

Số: 19/2022/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 9282/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các trường hợp miễn thu lệ phí

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch;

3. Các trường hợp miễn thu lệ phí

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật;

b) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

Điều 2. Mức thu lệ phí hộ tịch

1. Mức thu áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Mức thu (Đơn vị tính: đồng/ trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	6.000
2	Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử	6.000
3	Đăng ký lại kết hôn	30.000
4	Đăng ký nhận, cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	12.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	12.000

7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	6.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	6.000

2. Mức thu áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Mức thu (Đơn vị tính: đồng/ trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	70.000
2	Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử	70.000
3	Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn	1.400.000
4	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	50.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	30.000
7	Xác định lại dân tộc, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	30.000
8	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	50.000

Điều 3. Việc nộp lệ phí hộ tịch

1. Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

2. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7 thông qua ngày 26 tháng 10 năm 2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 11 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, LT, HĐ1.

CHỦ TỊCH**Lê Trường Lưu**